

Bản án số: 51/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14/01/2025

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nga.

2. Bà Phan Thị Dòn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Minh Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Đang – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 71/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 864/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 714/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13/9/2024; Quyết định tạm ngưng phiên tòa số 153/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30/9/2024; Quyết định tạm đình chỉ số 114/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29/10/2024; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 53/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/11/2024; Thông báo mở lại phiên tòa số 17/TB-TA ngày 26/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 818/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18/12/2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **N T P T**, sinh năm: 1982. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Xã QĐ, huyện BC, TPH.

2. **Bị đơn:** Ông **V Đ T**; sinh năm: 1979. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Xã BH, huyện BC, TP Hình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ghi ngày 27/12/2023; tại bản tự khai ghi ngày 24/01/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà N T P T trình bày: Bà N T P T và ông V Đ T bắt đầu chung sống với nhau từ năm 2018, có tổ chức đám cưới, do hai bên tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Qui Đức, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 10/01/2020. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Mặt khác do ông T có quan hệ không rõ ràng với người phụ nữ khác và không quan tâm đến vợ con nên bà T và ông T đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn tiếp tục chung sống nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông V Đ T.

Về con chung: Bà N T P T xác nhận bà và ông T chung sống với nhau có 01 (một) con chung tên là Vũ Ngọc T Vy (giới tính: Nữ) sinh ngày 23/11/2019. Hiện nay trẻ Vy đang

sống chung với bà T. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N T P T xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bà T không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ghi ngày 10/01/2025, bị đơn ông V Đ T trình bày với nội dung: Ông V Đ T xác nhận ông T và bà N T P T chung sống với nhau từ năm 2018 và có đăng ký kết hôn. Nay bà N T P T yêu cầu ly hôn thì ông T cũng đồng ý ly hôn với bà N T P T.

Về con chung: Ông V Đ T đồng ý giao trẻ Vũ Ngọc T Vy (giới tính: Nữ) sinh ngày 23/11/2019 cho bà N T P T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Ông V Đ T yêu cầu tự giải quyết.

Về nợ chung: Ông V Đ T xác nhận không có.

Ngoài ra ông T không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N T P T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà N T P T nộp đơn xin ly hôn với ông V Đ T tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông V Đ T cư trú tại C4/23B4 ấp 4, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn bà N T P T và bị đơn ông V Đ T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông T theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 3 do Ủy ban nhân dân xã Qui Đức, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/01/2020 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà N T P T và ông V Đ T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông T để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên của bà T hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của bà T thì quan hệ vợ chồng của bà T và ông T đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2023, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không còn hòa hợp, vợ chồng không còn tiếng nói chung nên đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án ông T đã có ý kiến về việc ông T cũng đồng ý ly hôn với bà T. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông T.

[4] Về con chung: Bà N T P T và ông V Đ T cùng xác nhận vợ chồng chung sống với nhau có 01 (một) con chung tên là Vũ Ngọc T Vy (giới tính: Nữ) sinh ngày 23/11/2019, hiện nay trẻ Vy đang sống chung với bà T. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Vy và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: “Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Xét thấy hiện nay trẻ Vy đang sống chung với bà T và bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Vy còn ông T cũng đồng ý giao trẻ Vy cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên giao trẻ Vy cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho trẻ Vy.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn, do bà T không yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn. Do đó tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Vy đối với ông T cho đến khi bà T có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Do bà T xác nhận không có còn ông T thì yêu cầu tự giải quyết và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Do bà T và ông T cùng xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Bà N T P T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N T P T đối với ông V Đ T.

Bà N T P T được ly hôn với ông V Đ T. Giấy chứng nhận kết hôn số 3 do Ủy ban nhân dân xã Qui Đức, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/01/2020 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Vũ Ngọc T Vy (giới tính: Nữ), sinh ngày 23/11/2019 cho bà N T P T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Vy đối với ông T cho đến khi bà T có yêu cầu.

Ông V Đ T có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Do bà T xác nhận không có còn ông T thì yêu cầu tự giải quyết và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Do bà T xác nhận không có còn ông T thì yêu cầu tự giải quyết và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Do bà T và ông T cùng xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà N T P T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà T đã nộp theo biên lai thu số 0033065 ngày 11/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện BC;
- Chi cục THADS huyện BC;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Trọng Hưng

